

LỜI NGỎ

Trong khi bao nhiêu triệu người trên thế giới đang sững sờ nuôi tiếc trước sự ra đi quá đột ngột của công nương Diana, và khi mà những giọt nước mắt thương nhớ người phụ nữ dễ thương trẻ trung này chưa kịp ráo khô, thì thế giới lại ngỡ ngàng trước tin Mẹ Têrêsa Calcutta trút hơi thở cuối cùng vào lúc 9:30 tối ngày 5/9/97 tại Calcutta, Ấn độ.

Mẹ Têrêsa được biết đến không phải vì Mẹ là một văn nhân hay một thần học gia thông thái, nhưng vì nơi Mẹ, họ thấy được hình ảnh của một con người cởi mở và đầy lòng nhân ái.

Sau 87 năm trường sống theo gương Chúa Giêsu trong tinh thần yêu thương, hy sinh, cầu nguyện và phục vụ nhân loại, Mẹ Têrêsa đã trở về với Thiên Chúa, Đấng Mẹ đã trọn niềm tin kính và yêu mến.

Sự ra đi của Mẹ chắc chắn đã làm cho thế giới bàng hoàng xúc động, nhưng vượt trên nỗi xúc cảm tiếc thương đó là một lòng ngưỡng mộ, cảm phục và biết ơn sâu sa vì Mẹ đã để lại cho thế giới không những hình ảnh tươi sáng của Đức Giêsu, nhưng còn cả những bàn tay yêu thương nối dài là Dòng Thừa Sai Bác Ái, một công cụ đang tiếp tục chuyển trao “*Thông Điệp Tình Thương*” đến cho mọi người.

Tại đây tôi xin thưa rõ với bạn rằng, “*Thông Điệp Tình Thương*” không phải là bản thông điệp của một Đức Giáo Hoàng nào đó đã soạn ra, nhưng đây là bức “thông điệp” của một người mẹ, một người đã hy sinh tận tụy suốt đời vì Tin Mừng Tình Yêu.

Tuy nhiên, một điều khác, tôi thiết tưởng, bạn cũng nên biết luôn, đó là Mẹ Têrêsa đã chưa từng bao giờ viết một bức “thông điệp” dài như thế này. Thực tế, bản “*Thông Điệp Yêu Thương*” là sự tổng hợp và đúc kết dựa theo cuốn “*Mother Teresa, No Greater Love*” cùng với nhiều tài liệu đặc sắc nói về Mẹ Têrêsa, trích dẫn những lời phát biểu, những chia sẻ tâm tình, hay các bài diễn văn đó đây của Mẹ.

Như Mẹ đã từng tâm sự: “Mỗi lần phải đọc diễn văn hay phải nói trước công chúng là mỗi lần tôi chịu tử đạo.” Điều này đã nói lên được phần nào lòng khiêm hạ của Mẹ khi nhìn nhận khả năng diễn giải và trình độ văn chương hạn hẹp của mình, nhưng không phải vì đó mà Mẹ chùn bước trong việc gióng lên hồi chuông thức tỉnh lương tâm và lòng bác ái của nhân loại.

Đọc “*Thông Điệp Tình Thương*” bạn sẽ tiếp cận với một con người từng là biểu tượng của tình thương, của tính dịu hiền, nhân ái, thiện hảo và nhất là lòng can đảm của một ngôn sứ dám lên tiếng bênh vực sự sống, bênh vực quyền lợi và nhân phẩm con người.

Ước mong tập sách nhỏ này sẽ mang lại cho con tim bạn một chút hương vị của yêu thương, để rồi tâm hồn và cuộc đời bạn được thăng hoa và ấm áp tình người hơn nhờ gương sống cùng những chia sẻ chân thành trong *Thông Điệp Tình Yêu của Mẹ Têrêsa*.

Lm. Bùi Quang Tuấn, CSsR

CHƯƠNG MỘT QUẢNG ĐỜI THƠ ẤU

Tôi đã mở mắt chào đời nhằm ngày 16 tháng 8 năm 1910, trong một gia đình có ba chị em, chị Aga, anh trai Lazar và tôi là con út. Vì được làm út nên mọi tình thương đậm đà của cha mẹ và anh chị dường như cứ bao trùm lấy con người bé nhỏ của tôi. Ngày 27 tháng 8 năm 1910, tại nhà thờ Thánh Tâm Chúa Giêsu, tôi được lãnh phép rửa tội và đã được đặt cho một cái tên rất xinh: Gonxha

hay còn gọi là Agnes. Cha mẹ tôi là những người Công giáo đạo đức chính tông, đặc biệt nhất là mẹ tôi.

Bố tôi, ông Nikolle Bojaxhiu cưới mẹ tôi là Drana Bernai từ năm 1900. Sống đời gia đình chưa đầy 20 năm thì bố bị đầu độc chết, sau khi tham dự một buổi họp có tính cách chính trị vào năm 1919. Tưởng cũng nên biết rằng bố tôi là một trong các thành viên của hội đồng thành phố và cũng là người có tinh thần quốc gia rất cao.

Từ năm 1915 đến 1924 quả là quãng đời thơ ấu tuyệt vời. Ba chị em nhà Bojaxhiu chúng tôi cùng đi học chung tại trường làng, và tôi đã học rất khá, dẫu rằng tình trạng sức khỏe của tôi không có gì khá lắm. Tại giáo xứ, tôi tham gia ca đoàn, dạy giáo lý, và ghi danh làm thành viên của hội đoàn mang tên Nữ tử Đức Mẹ. Sở thích của tôi là đọc các sách về truyền giáo và các thánh. Anh tôi Lazar, người con trai độc nhất trong gia đình đã nói thế này: *“Vì được sống ngay bên cạnh nhà thờ Thánh Tâm Chúa Giêsu, nên thời gian mà mẹ tôi, chị và em gái [Têrêsa] hay đến nhà thờ cũng nhiều bằng thời gian họ ở nhà. Bộ ba này cứ hay lui tới với ca đoàn, tham gia vào những công việc có tính cách tôn giáo và truyền giáo”*.

Về sau anh Lazar đã qua Áo học ngành quân sự, và trở thành một sĩ quan quân kỵ oai phong lắm.

Tôi có thể tóm gọn cuộc sống gia đình và thời niên thiếu của mình trong những dòng chữ này, đó là chúng tôi đã sống rất thân tình thắm thiết, nhất là sau khi bố qua đời, chúng tôi đã sống cho nhau và tìm mọi cách để giúp nhau được hạnh phúc. Có thể nói được rằng gia đình tôi là một gia đình đầm ấm và hạnh phúc vô cùng”.

Về phần mẹ tôi, chẳng bao giờ tôi thấy bà để cho bất cứ một người nghèo nào phải rời khỏi nhà với đôi tay không. Khi mà chị em chúng tôi cứ bỡ ngỡ trước thái độ này, thì bà nói: *“Các con hãy nhớ rằng ngay cả những người không có liên hệ máu mủ gì với mình, dù họ là những người nghèo hèn cùng đing cách mấy thì họ vẫn là anh em của chúng ta”*.

Lúc mới bước vào tuổi 12 đầy thần tiên, tôi cảm thấy như có một tiếng nói nhẹ nhàng nào đó len lỏi vào tâm hồn, mời gọi tôi bước vào đời sống thừa sai tu trì. Tiếng gọi này cứ âm ỉ suốt một thời gian khá dài. Và trong suốt thời gian cứu mạng, ấp ủ mầm mống ơn gọi đó, tôi vẫn cứ là một thành viên nhiệt thành của hội Nữ tử Bác ái. Rồi với sự khuyến khích của cha sở nhà thờ Thánh Tâm, một linh mục Dòng Tên, càng ngày tôi càng yêu thích các công tác truyền giáo hơn. Tôi ước mong sẽ có ngày chính mình cũng được đem Tin Mừng cho muôn dân như các vị thừa sai vậy.

Trong năm 1928 lòng yêu thích truyền giáo của tôi được củng cố bằng một lời mời gọi rất rõ ràng. Đang lúc cầu nguyện trước bàn thờ của Nữ Thánh quan thầy phố Skopje, tôi nghe một giọng nói vang lên: *“Đức Mẹ đã chuyển cầu cho con và đã trợ giúp con nhận ra ơn gọi”*. Thế rồi với sự hướng dẫn của một linh mục Dòng Tên khác, tôi đã ghi danh xin gia nhập Dòng Các Nữ Tử Đức Bà Loreto, dòng này được Mẹ Mary Ward sáng lập trong thế kỷ thứ 16.

Một buổi sáng đẹp trời ngày 26 tháng 9 năm 1928, tôi đã lên đường trực chỉ thành phố Dublin. Xe lửa đưa tôi qua các nước Nam tư, Áo, Thụy điển, Pháp, và Anh. Cuối cùng thì tôi đã đến được Nhà Mẹ của Dòng Đức Bà Loreto. Và rồi ngày mồng Một tháng 12 năm 1928, sau hai tháng học tiếng Anh ráo riết, tôi đáp chuyến tàu du hành sang nước Ấn độ. Qua 37 ngày đêm lên đênh giữa trời nước bao la, tôi đã đến Calcutta vào giữa trưa ngày 6 tháng giêng năm 1929. Nhưng chỉ ở đó được một tuần, tôi lại phải đến Darjeeling để bắt đầu chương trình nhà Tập, khởi đầu cho một thời kỳ học hỏi cách sống và làm việc theo tinh thần của Dòng tông đồ Loreto.

Sau hai năm tuyệt vời tại Tập viện, ngày 24 tháng 5 năm 1931, tôi được khấn tạm với danh hiệu mới là sơ Têrêsa. Và rồi từ năm 1931 đến 1937 tôi đã sống tại Calcutta và dạy học môn lịch sử và địa lý tại trường Thánh Maria do các chị em nữ tu Đức Bà Loreto điều hành.

Ngày 24 tháng 5 năm 1937 tôi tuyên khấn trọn đời, và được bổ nhiệm làm giám đốc trường Thánh Maria. Đời sống tu trì của tôi trong suốt thời gian qua có thể được tóm lại như sau: *“Tôi là một nữ tu hạnh phúc nhất tại Loreto. Tôi đã hiến dâng tất cả tâm trí cho việc giảng dạy. Đây quả là một công việc tông đồ mà tôi vô cùng ưa thích”*.

Nhưng rồi một ngày kia, trên chuyến xe lửa khởi hành từ Calcutta đến Darjeeling để tham dự các khóa học linh thao, tôi đã thắm thĩ cầu nguyện khi vừa chợt nhận ra một ơn gọi mới mẻ đang nảy sinh ngay chính trong ơn gọi của mình. Số là trước mắt tôi vừa xuất hiện một thông điệp rất rõ ràng, và điều vừa xuất hiện này không chỉ là một thông điệp thuần túy, nhưng còn là một lệnh truyền. Lệnh truyền đó bảo tôi phải rời tu viện và dâng hiến toàn thân để sống giữa những người nghèo và để phục vụ họ. Hôm đó là ngày 10 tháng 9 năm 1946.

Rời bỏ Dòng Đức Bà Loreto quả là một công việc khó khăn và không thiếu thương đau. Để có thể thi hành được mệnh lệnh kia, trước tiên tôi phải xin phép đặc biệt của Tòa Thánh, sau khi đã được nhà dòng chấp thuận; lý do là vì tôi đã tuyên lời khấn trọn, cho nên muốn rời khỏi dòng, tôi phải được phép chuẩn của Đức Thánh Cha. Ngoài ra, những vướng vắn với nghề nghiệp, với những con người mà tôi đã từng được tiếp xúc, hướng dẫn, và yêu thương cứ níu kéo. Ý tôi muốn nói đến các sơ dòng Loreto cũng như các em học sinh của tôi đó mà. Quả là đau lòng khi phải ra đi! Nhưng cuối cùng, tôi cũng vượt qua được những tình cảm đầy nhân tính kia, và khi Tòa thánh cho phép ra sống ngoài tu viện, tôi đã hăng hái lên đường.

Hôm đó là ngày 16 tháng 8, năm 1948, đúng ngay ngày sinh nhật thứ 38 của tôi. Tôi đã thay bộ áo dòng Nữ tu Loreto để mặc lên người bộ áo *sari* cũ sờn màu trắng giống như những người đàn bà nghèo nhất tại Ấn Độ; bộ áo *sari* này có những đường viền xanh, tượng trưng cho lòng ao ước được nên giống Đức Trinh Nữ Maria. Tôi đã tham dự một khóa học y tá cấp tốc trong vòng ba tháng; sau đó trở lại cái khu nhà ổ chuột tại Calcutta để thực hiện mộng ước của mình là phục vụ những kẻ nghèo nhất trong các người nghèo. Cũng trong năm '48 này tôi đã nộp đơn xin vào quốc tịch Ấn độ và được chính phủ chấp nhận nhanh chóng.

Ngày mồng 7 tháng 10 năm 1950, lễ kính Nữ Vương Mân Côi, sau khi được phép của Tòa Thánh, Dòng Thừa sai Bác ái của chúng tôi đã bắt đầu khởi sự chương trình tập viện hai năm với 10 em tập sinh; đa số các em tập sinh đầu tiên này là học trò cũ của tôi tại trường Thánh Maria. Các em đã khao khát được hiến dâng mọi sự cho Chúa, và muốn thi hành khát vọng ấy ngay tức thì. Đến năm 1952 thì Dòng chúng tôi có tất cả 30 nữ tu; một phần ba của con số này đã tuyên lời khấn. Cũng trong thời điểm đó chúng tôi lập được một ngôi nhà dành cho những người bị bỏ rơi, cho trẻ em và cả những bệnh nhân hấp hối. Ngôi nhà này, nguyên thủy vốn là một ngôi đền Ấn giáo, tọa lạc ngay giữa trung tâm thành phố Calcutta.

Nhằm ngày 22 tháng 8, lễ Đức Mẹ là Nữ Vương trên trời dưới đất, chúng tôi đã rộng mở cửa nhà, tiếp nhận tất cả những nạn nhân của bất công và đói nghèo. Chúng tôi đã đặt tên cho ngôi nhà mới này là Nirmal Hriday (tiếng Ấn độ có nghĩa là Thanh Tâm Xá), danh hiệu này đã được hầu hết mọi người Ấn độ ưa thích.

Mặc dầu chúng tôi có căn nhà để tiếp nhận và chăm sóc những người bị bỏ rơi, những kẻ đang còm cõi trong đau khổ và đang chờ chết, nhưng riêng các nữ tu chúng tôi thì vẫn chưa có được một ngôi nhà để dùng cho việc dạy dỗ và tu tập. Thế là chúng tôi đã liên tiếp “tấn công” lên trời bằng những lời cầu nguyện tha thiết, nài xin Chúa giúp “tậu” cho được một nơi để làm nhà dòng. Cuối cùng

thì Chúa cũng phải nhậm lời. Ngôi nhà mẹ của dòng Thừa sai Bác ái đã được khai trương trong năm 1953, tọa lạc tại 54 đường Lower Circular, thành phố Calcutta, Ấn độ (hiện nay ai muốn liên lạc với chúng tôi đều có thể dùng chính địa chỉ này). Về sau cũng trên con đường Lower Circular đó, chúng tôi lại có thêm một căn nhà khác, được dùng cho các em mồ côi hoặc bị cha mẹ bỏ rơi.

Tất cả những ai đau khổ, bất hạnh, nghèo đói, cô đơn, bị ruồng bỏ đều được chúng tôi, những thừa sai bác ái của Chúa Kitô đón nhận và chăm sóc tận tình, như thể đang chăm sóc và yêu thương chính Đức Kitô là Chúa và là người tình của chúng tôi vậy. Để rồi tôi sẽ nói thêm với bạn đôi chút về anh chị em thừa sai bác ái của chúng tôi nhé.

CHƯƠNG HAI DÂNG HIẾN CHÍNH MÌNH

Những anh chị em thuộc dòng chúng tôi đều được gọi là “các nhà Thừa sai Bác ái”. Họ là những bạn trẻ được mời gọi làm sứ giả thông chuyển tình yêu của Thiên Chúa. Thừa sai là người được phái đi với một sứ mạng, một thông điệp cần trao đến cho người khác. Cũng như Đức Giêsu được Chúa Cha sai đi, sau khi được đổ tràn đầy ơn Thánh Linh, chúng ta cũng được sai đi để làm chứng tá cho Tin mừng của tình yêu và lòng thương xót của Ngài, trước là trong các cộng đoàn, sau là trong các công việc tông đồ, giữa những người cùng khổ nhất của thế giới.

Hồi bé, tôi đã có linh cảm rằng Chúa đang cần tôi làm một việc gì đó. Khi còn sống với bố mẹ tại Skopje, Yugoslavia (bây giờ được gọi là Macedonia) lúc mới 12 tuổi đầu, tôi đã có ước muốn được trở thành nữ tu rồi. Lúc đó có nhiều linh mục thánh thiện tốt lành hay đến các giáo xứ để khuyến khích giúp đỡ các em trai cũng như gái nhận ra lời mời gọi của Chúa. Và thế là với sự trợ giúp của các ngài, tôi nhận ra rằng ơn gọi của mình chính là cho người nghèo.

Nhưng rồi, giữa cái tuổi thần tiên 12 và 18, tôi bị mất hẳn niềm mong ước trở thành nữ tu. Tuy nhiên, ngay sau khi mừng sinh nhật thứ 18 của mình xong, tôi đã quyết định thoát ly gia đình và gia nhập dòng các Chị Em Đức Bà Loreto. Từ đó trở đi tôi chẳng hề có một chút nghi ngờ nào về việc mình làm là đúng hay sai. Tất cả đều là ý Chúa! Ngài đã chọn lựa, và tôi đã thi hành theo sự lựa chọn của Ngài.

Ơn gọi của các nữ tu Loreto là dạy học; đây là một công việc tông đồ rất chân thực và cụ thể cho nhiệm thể Đức Kitô. Nhưng ơn gọi thiết thực nhất, ẩn sau trong ơn gọi tu trì của tôi chính là ơn gọi hiến mình cho những kẻ bần cùng bất hạnh. Nó là một lời kêu mời, hay đúng hơn là một ơn gọi thứ hai, sau ơn gọi tu trì. Quả là đã có một động lực nào đó thôi thúc tôi rời khỏi Loreto, nơi mà tôi đang sống hạnh phúc, để đến với người nghèo và phục vụ họ.

Đời sống tâm linh của chúng ta là đời sống của tựa nương và tin cậy vào Chúa. Công việc chính yếu của chúng ta là cầu nguyện, bởi vì chúng ta sẽ thi hành mọi sự qua Đức Giêsu, trong Đức Giêsu và vì Đức Giêsu.

Ơn gọi là một tặng phẩm của Đức Kitô. Ngài đã từng nói: “*Ta đã chọn con*”. Mỗi một ơn gọi, dù là ơn gọi tu trì hay gia đình đều phải thật sự **thuộc về Đức Kitô**. Công việc mà bạn và tôi được mời gọi thi hành chỉ là cách thức hay phương thế được chọn để phô diễn cái bản chất thực sự của tình yêu chúng ta dành cho Thiên Chúa.

Tôi xin lập lại: ơn gọi của chúng ta sẽ không gì khác hơn là sự thuộc về Đức Giêsu. Công việc chúng ta đang làm chỉ là phương thế để biến đổi tình yêu Đức Kitô trong chúng ta thành hành động mà thôi.

Tất cả mọi dòng tu, tất cả các nữ tu, linh mục, và ngay cả Đức Thánh Cha, ai ai cũng có cùng một ơn gọi là thuộc về Đức Kitô. “*Ta đã chọn con làm của riêng Ta,*” Chúa nói như vậy mà.

Sự đáp trả của bạn và tôi hay việc chúng ta sẽ sử dụng thời gian như thế nào có thể khác nhau. Tình yêu Đức Kitô được thể hiện qua hành động chỉ là một phương cách, cũng như quần áo vậy. Tôi mặc thứ này, bạn mặc thứ kia. Nó chỉ là phương tiện. Nhưng ơn gọi lại không phải là phương tiện. Đối với người Kitô Hữu thì ơn gọi chính là Đức Giêsu, bởi vì ai cũng phải mặc lấy Đức Giêsu.

Tất cả chúng ta được Chúa kêu gọi. Là những thừa sai, chúng ta phải là những người mang vắc tình yêu của Thiên Chúa, sẵn sàng và vội vã ra đi như Đức Mẹ, để tìm kiếm các linh hồn, để đem ánh sáng cho muôn dân, và để ướp mặt lòng đời. Tâm hồn chúng ta phải bị tiêu hao đi trong một khát vọng duy nhất. Đó là khát vọng Đức Giêsu.

Chúng ta nên biết lúc nào mình phải đáp lời “xin vâng” với Thiên Chúa, và điều gì tiềm ẩn trong tiếng “xin vâng” đó. “Xin vâng” có nghĩa là “con phó thác” hoàn toàn, đầy đủ không tính toán, không xét nét rằng “nó có tốt không?” hoặc “nó có thuận tiện không?” Tiếng “xin vâng” của chúng ta không nên chứa đựng những dự phòng cho riêng mình.

Chúng ta sẽ để cho Thiên Chúa xếp đặt kế hoạch cho tương lai, vì ngày hôm qua đã qua mất rồi, còn ngày mai thì chưa đến, nên chúng ta chỉ có ngày hôm nay để làm sao cho Ngài được biết đến, được yêu mến và được phục vụ.

Phó thác hoàn toàn cho Thiên Chúa phải phát xuất từ những việc nhỏ trước khi nó có thể trở thành việc lớn. Mọi sự đều chẳng có gì đáng nói nếu như không có lời “xin vâng!” “Con xin đón nhận tất cả những gì Chúa cho, và con xin cho tất cả những gì Ngài muốn.” Điều này không có nghĩa là ta phải làm những việc to tát, hiểu biết những sự lớn lao. Trái lại, đơn giản chỉ là một việc đón nhận, bởi vì ta đã dâng chính mình cho Chúa, và bởi vì ta thuộc về Ngài.

Nếu có thứ gì đó thuộc về tôi, thì tôi có toàn quyền sử dụng như mình muốn. Cũng vậy, tôi thuộc về Đức Kitô, và Ngài cũng có toàn quyền làm trên tôi những gì Ngài muốn.

Dâng hiến tất cả bao gồm việc tin yêu. Bạn không thể dâng hiến trọn vẹn nếu chưa tin yêu hết lòng. Đức Giêsu tin thác vào Thiên Chúa Cha vì Ngài biết Cha, vì Ngài hiểu được tình yêu của Cha. Ngài nói:

“Cha ta và Ta là một.”

“Cha trong Ta và Ta trong Cha.”

“Ta không ở một mình, có Cha ở với Ta.”

“Lạy Cha, trong tay Cha, con xin phó thác hồn con.”

Bạn cứ đọc Tin Mừng của Thánh Gioan và hãy để ý xem Đức Giêsu đã dùng đến chữ “Cha” bao nhiêu lần.

Nếu muốn có Thiên Chúa ngập tràn tâm hồn, chúng ta phải hủy mình ra không. Chúng ta phải dâng hoàn toàn con người cho Chúa để Ngài có thể chiếm trọn chúng ta; phải cho tất cả những gì Ngài muốn và phải đón nhận những gì Ngài ban. Đừng bao giờ chỉ biết thu vào mà không cho ra. Ngày nay người ta đau khổ nhiều vì người ta chỉ lo tích lũy, không biết cho đi, cũng chẳng chịu chia sẻ.

Quên mình hoàn toàn bao gồm việc dâng hiến toàn thân cho Thiên Chúa như Ngài đã ban tặng chính Ngài cho chúng ta. Nếu Thiên Chúa không nợ nần gì chúng ta, mà lại ban cho chúng ta chính mình Ngài, vậy tại sao chúng ta lại có thể đáp trả tình Ngài chỉ bằng một phần con người của mình?

Từ bỏ chính mình. Nói cách khác, tôi dâng chính con người tôi cho Thiên Chúa để Ngài có thể sống trong tôi. Song thật đáng thương thay nếu Chúa không ban sức mạnh để giúp chúng ta hiến trọn thân mình cho Ngài. Chúng ta đang giàu lắm! Bởi lẽ thật là dễ dàng để chiếm đoạt Thiên Chúa! Chúng ta cứ việc dâng chính mình cho Ngài, rồi Ngài sẽ trở thành chúng ta, và như thế là chúng ta sẽ không có gì khác nữa ngoài Thiên Chúa.

Nhận thức sự hư không của mình cộng với phúc lành của đức vâng lời, chúng ta sẽ cố gắng làm tất cả và không có gì phải nghi ngờ hay phân vân, vì không có gì mà Thiên Chúa lại không làm được.

Chúng ta thường nói với Chúa Giêsu: *“Xin cho con được thông phần vào sự đau khổ của Chúa”*, nhưng khi gặp một người không mấy cảm tình thì chúng ta lại dễ quên đi cái giây phút muốn chia sẻ sự khổ đau với Chúa này. Ghi nhớ được rằng chính Chúa Giêsu đã ban cho chúng ta cơ hội đó, con người đó, tình cảm đó để làm một điều gì tốt đẹp cho Ngài là đã đủ cho chúng ta lắm rồi.

Nếu có một sự sung khắc nào trong tâm hồn hay nếu chúng ta không chấp nhận được sự hèn hạ thì sẽ chẳng bao giờ học được đức khiêm nhường đâu. Bạn không thể học khiêm hạ từ sách vở. Bạn hãy nhớ rằng Đức Giêsu đã chấp nhận sự thấp hèn. Ngài đến để thực thi thánh ý Chúa Cha, và Ngài đã làm điều đó từ đầu cho đến cuối.

Chúng ta phải luôn ghi khắc những ước vọng của Đức Giêsu trong tâm hồn và trí óc của mình để mang Ngài đến những nơi nào Ngài chưa từng bước tới, để không ngại ngừng sợ hãi gì khi làm những việc Ngài đã từng làm, để can đảm vượt qua cả hiểm nguy, để chết vì Ngài và với Ngài.

Hãy vui vẻ và sẵn sàng chấp nhận cái chết mỗi ngày nếu chúng ta thật sự muốn đem các linh hồn về cho Chúa, hầu qua đó trả lại cái giá thực hồi mà Ngài đã trả cho các linh hồn. Hãy sẵn sàng đi đến bất cứ phần đất nào trên thế giới để đón nhận và tôn trọng các phong tục khác lạ, các ngôn ngữ và điều kiện sống thất thường của các dân tộc. Hãy có lòng ước mong được hòa nhập với họ nếu cần, hạnh phúc vì được gánh vác mọi lao công khó nhọc, cũng như vinh dự khi phải hy sinh cho bất cứ điều gì liên hệ đến đời sống truyền giáo của chúng ta.

Những điều trên đây đã đặt lên vai chúng ta một gánh nặng trách nhiệm rất lớn, buộc ta phải chống trả với chính con người của mình cũng như tính yêu thích an nhàn hằng luôn xúi dục chúng ta chọn lựa những gì thoải mái và xoàng xĩnh trong đời sống. Chúng ta được mời gọi để chiến đấu với Chúa Giêsu; chúng ta được mời gọi để trở thành những người lính trong bộ đồ *sari*, vì ngày nay Giáo hội đang cần đến những người lính chiến, chứ không phải là lính kiểng. Khẩu hiệu của chúng ta phải là **“đánh chứ không chuồn”**.

Ngày nay Giáo hội của Chúa đang cần những vị thánh. Chúng ta sẽ lên đường nhân danh Đức Giêsu để đến tận các phố phường làng mạc trên khắp thế giới, ngay cả giữa chốn dơ dáy bẩn thỉu hay những vùng nguy nan hiểm trở. Cùng với Đức Maria, Mẹ Tinh tuyền của Đức Giêsu, và với tình thương mến ngọt ngào của Thiên Chúa, chúng ta sẽ tìm đến với những kẻ rớt cùng để loan báo cho họ Tin Mừng cứu độ và hy vọng, hát cho họ bài hát của Vua Trời, mang đến cho họ tình yêu, bình an và niềm vui của Ngài. Trong thần khí, chúng ta hãy đi đến khắp mọi nơi của vũ trụ bao la, từ chốn cao vút của địa cầu cho đến nơi thẳm sâu của đại dương, từ một nguyện đường bị bỏ trống đến một nhà thờ hoang phế, từ một bệnh viện phá thai nơi thành phố này sang một nhà tù nhân quyền trong thành phố khác, từ một nguồn sông nơi lục địa nọ sang một hang núi đơn độc ở lục địa kia, và ngay cả việc vào tận thiên đàng hoặc xuống tới cồng địa ngục để nguyện cầu với các tạo vật và cho các tạo vật của Thiên Chúa, hầu cứu thoát và thánh hiến những gì đã được Máu châu báu của Con Ngài đổ ra cho.

Thế giới ngày nay đang có nhiều người dám đấu tranh cho công bình và nhân quyền. Chúng tôi hiện không có thời gian để làm việc này bởi vì suốt cả ngày chúng tôi không ngừng tiếp xúc với dân chúng, những người đang cần đến miếng cơm và tình người. Quả đã có lúc tôi tự hỏi: *“mình có nên dấn thân để tranh đấu cho công bình xã hội khi mà những kẻ khốn cùng kia sắp phải ngã ra chết ngay trước mắt mình chỉ vì thiếu đi một ly sữa không?”*

Tuy nhiên, tôi muốn tuyên bố rõ ràng rằng tôi không hề lên án những người tranh đấu cho công bình; tôi không khi nào trách họ vì đã không trực tiếp sẵn sóc cho người cùng khổ. Bởi tôi tin rằng có rất nhiều lựa chọn khác nhau mà người ta có thể chọn ra để thực hiện cho dân của Chúa. Đối với tôi,

điều quan trọng nhất chính là phục vụ nhu cầu cấp thiết nhất của con người. Một chính trị gia nói với tôi: *“Bà làm hư dân chúng bởi bà cho họ con cá. Bà phải cho họ cái cần câu để câu cá”*. Và tôi nói với ông ta rằng những người của tôi không thể đứng nổi, không thể cầm được cái cần câu, thì thử hỏi cho họ cần câu phỏng được ích gì. Chỉ bằng bây giờ tôi cho họ cá để ăn, và khi họ đủ mạnh, tôi sẽ giao lại cho ông. Và ông cho họ cần câu để câu cá. Đây sẽ là một sự hài hòa tuyệt vời.

Bằng việc đi theo tiếng gọi của Dòng Thừa sai Bác ái, chúng tôi đứng trước thế giới như những sứ giả hòa bình, truyền cho thế giới sứ điệp yêu thương được thể hiện bằng hành động; chính với điều này chúng tôi vượt qua được những biên giới của chủng tộc, của tín ngưỡng, và của quốc gia.

Có lần, một số người quyền thế tại Calcutta đã làm áp lực buộc tôi phải trả lại căn nhà đang được dùng để giúp những người sắp chết. Một viên chức chính quyền đã được phái đến quan sát công việc mà các nữ tu đang làm tại nhà Hấp Hối này. Sau khi quan sát, viên chức liền quay lại nói với những người chống đối: *“Tôi chỉ có thể trục xuất bà Têrêsa và các nữ tu ra khỏi ngôi nhà này khi nào các mẹ và chị em của quý vị đến đây làm những công việc kia thay thế họ”*. Những người chống đối nghe thế đã bỏ đi.

Trong các khu nhà ổ chuột, các nữ tu đã phải tìm một nơi có thể qui tụ được các “trẻ em của đường phố”, dù chúng là ai. Mỗi quan tâm hàng đầu của chúng tôi đối với các em là làm sao cho chúng được sạch sẽ, lo cho chúng ăn, dạy cho chúng học, và sau đó sắp xếp để chúng được tham dự vào các lớp học. Theo tôi, tình yêu của Thiên Chúa phải được tỏ bày nơi các em bằng một cách thức đơn giản, linh động và hấp dẫn.

Nếu một nữ tu nào đó không có được một tính khí tươi vui thì tôi sẽ không để cho sơ ấy đến viếng thăm người nghèo đâu. Người nghèo luôn có nhiều lý do để buồn; cho nên chúng tôi không thể gây thêm nỗi muộn phiền cho họ bằng những tình cảm rầu rĩ của chính mình. Khắp mọi nơi đã có quá nhiều đau khổ tang thương rồi!

Chúng ta cần phải xin ơn biết yêu thương nhau. Như Chúa Giêsu đã từng nói, *“Hãy yêu thương nhau như Ta đã yêu các con”*. Để có thể làm được chuyện đó, các nữ tu chúng tôi phải sống đời hy sinh và cầu nguyện. Đó là lý do tại sao chúng tôi thường bắt đầu ngày mới bằng việc dâng lễ, rước lễ, và suy gẫm.

Mỗi đêm sau một ngày làm việc, chúng tôi trở về tụ họp nhau lại trong nhà nguyện cho một giờ cầu Thánh Thể. Trong cái tĩnh lặng của đêm tối, chúng tôi tìm được sự an bình trước nhan Đức Kitô. Đối với tôi, giờ thân mật với Đức Giêsu này là những gì tuyệt đẹp. Tôi đã chứng kiến những biến đổi rất lớn trong dòng tu của mình kể từ ngày khởi sự giờ cầu Minh Thánh mỗi ngày. Tình yêu của chúng tôi dành cho Chúa Giêsu cứ ngày càng thấm thiết, và lòng mến dành cho tha nhân cũng ngày càng đậm đà. Tình thương dành cho người nghèo cũng càng thêm chan chứa.

Các anh chị em tu sĩ chúng tôi làm việc cho những người cùng khổ, những kẻ đau yếu, những người đang hấp hối, những người phong cùi, những trẻ em bị ruồng bỏ. Và tôi muốn nói với bạn điều này là trong suốt nhiều năm vừa qua tôi chưa bao giờ nghe những người cùng khổ này phàn nàn, trách móc, hay chán nản vì buồn phiền. Người nghèo là những con người vĩ đại; họ có thể chấp nhận cả những khó khăn vô cùng ghê gớm.

Sự đứng vững của nhiều người trước những kẻ khốn cùng là bằng cứ nói lên sự u mê và kém niềm tin của họ. Nếu họ hiểu được rằng những kẻ đang nằm lê la trên nền nhà kia chính là anh chị em của họ thì tôi nghĩ rằng họ sẽ phải làm ngay một điều nào đó rồi. Thật vô phước khi mà họ không biết đến lòng xót thương là gì, và họ cũng chẳng hiểu tí gì về con người. Bởi nếu họ hiểu được thì họ đã lập tức nhận ra sự cao cả của những kẻ đang nằm kia, trên các đường phố. Và tự nhiên họ sẽ đem lòng thương mến, rồi chính lòng mến thương đó sẽ thúc giục họ hăng hái phục vụ người đồng loại.

Đối với thế gian, dường như chúng tôi đã quá ngu dốt khi thích thú với những đồ ăn tầm thường, vui vẻ với những bát cơm nhạt phèo cứng ngắt, chỉ được phép giữ cho mình ba bộ tu phục làm bằng những thứ vải thô nhám, sửa chữa chắp vá nhiều nơi, lại phải giữ gìn chúng cẩn thận cùng từ chối không nhận thêm bộ nào khác nữa; chúng tôi cũng sẵn sàng mang bất cứ đôi giày nào, với bất cứ hình dạng hay màu sắc nào; chỉ tắm rửa với một gàu nước duy nhất trong một phòng tắm bé xíu xiu; dù mồ hôi cứ nhỏ giọt nhưng vẫn không xin hay nhận máy quạt; đói khát giữa đường nhưng sẽ không ăn trong nhà dân chúng; từ khước cả việc sở hữu máy hát hay radio để thư giãn trí óc sau một ngày làm việc vất vả; chúng tôi chấp nhận việc đi xa dưới những cơn mưa tầm tã hay cái nắng đốt da của mùa hè, chỉ đi xe đạp, hoặc di chuyển trên những tuyến xe điện của giai cấp hạng hai, hay trong những toa xe chật ních của giai cấp hạng ba; chúng tôi ngủ nghỉ trên những chiếc giường cứng ngắt; khước từ chăn ấm nệm êm, những thứ có thể xoa dịu một chút cái thân xác nhứt mỗi sau một ngày làm việc cực nhọc; chúng tôi quì trên những tấm thảm sần sùi mỏng dính, chối từ những tấm thảm dày mềm; chúng tôi sung sướng được nằm trong những căn phòng thô sơ của bệnh viện, giữa những kẻ nghèo hèn của Đức Kitô, dù rằng lúc đó nếu muốn có một phòng riêng và tiện nghi hơn, chắc chắn chúng tôi sẽ có ngay. Chúng tôi cũng vui vẻ làm việc như những tên “cu li” trong khi có thể mượn nhân công làm những việc nặng nhọc và mình thì chỉ cần “rờ” vào những công việc nhẹ nhàng. Chúng tôi thích thú chùi rửa nhà vệ sinh và xem đó như một công việc cao quý nhất trên thế gian này; trước mắt nhiều người, chúng tôi chẳng khác gì những kẻ đang phí phạm cuộc đời quý giá và chôn vùi tài năng. Nhưng đấy chính là những lễ vật chúng tôi triều cống Vua trời đấy.

Quả thật, chúng tôi phung phí cuộc đời nhiều lắm nếu như chúng tôi chỉ dùng lý lẽ để biện giải cho việc mình làm. Cuộc đời của chúng ta sẽ vô nghĩa trừ khi chúng ta nhìn lên Đức Kitô trong sự nghèo khó của Ngài.

Những việc tốt đẹp chúng tôi làm cho người nghèo hoặc với người nghèo là một đặc ân và là món quà quý báu. Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta đến với người nghèo với tình mến thương, với nguyện ước duy nhất là mang Chúa đến cho họ, đem niềm vui của Đức Kitô vào gia đình họ. Nếu họ nhìn vào chúng ta và thấy được Đức Giêsu và lòng xót thương của Ngài thì tôi nghĩ rằng thế giới chóng chầy gì cũng sẽ tràn đầy bình an và yêu thương.

Thật ra, sự dịu ngọt của tình yêu Thiên Chúa thì quá điều chúng ta tưởng. Nhìn vào Nhà Tạm chúng ta sẽ biết được Chúa đang yêu ta làm sao; trông lên thập giá chúng ta sẽ thấy được Ngài sẽ yêu chúng ta thế nào. Hãy ở riêng ra với Đức Giêsu và rồi bạn sẽ cảm được niềm vui mà chỉ có mình Ngài mới có thể ban tặng.

Trong cuộc sống, bạn hãy cố gắng biến sự thờ phượng Chúa thành hành động. Rồi thì bạn sẽ nhận thấy có sự biến đổi trong đời mình, trong giáo xứ, và trong môi trường xung quanh.

Chúa đã từng nói: *“Cha đã gọi con bằng chính tên của con; con là con Cha. Con thật quý giá trước mắt Cha. Cha yêu con”*. Nếu bạn yêu mến Đức Kitô, thì bạn sẽ dễ dàng thuộc về Ngài cách trọn vẹn. Nói cách khác, Đức Kitô nay đã thuộc về bạn, và bạn hãy trao tặng Ngài cho những ai bạn gặp. *Thiên Chúa yêu thương chúng ta. Mọi người được sinh ra trên thế gian này không phải chỉ để trảm vào chỗ trống; con người cũng không phải là một con số. Thiên Chúa đã chọn chúng ta với mục đích hẳn hoi, và tôi biết rõ điều đó. Từ lúc thành hình trong dạ mẹ, chúng ta đã được mời gọi nên thánh rồi. Thế cho nên tôi xin dành một chương để nói thêm về lời mời gọi này.*